

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 203/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2024
V/v “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn
giữa anh L và chị H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phương;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Anh L, chị H vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/7/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn L trình bày:

Anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 09/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm E, xã H. Quá trình chung sống, mặc dù vợ chồng đã có hai con chung nhưng do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn. Mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến không có tiếng nói chung; anh L, chị H đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh L giữ yêu cầu xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh L, chị H có hai con chung là cháu Trần Quang M, sinh ngày 07/12/2012 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16-01-2020. Hiện nay, cả hai con chung đang ở cùng với chị H. Mặc dù có nguyện vọng nuôi cả hai con chung nhưng anh L tôn trọng ý kiến của chị H và các con; đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo nguyện vọng của chị H và các con chung.

Về tài sản: Anh L và chị H xin tự thỏa thuận phân chia. Sau này không thỏa thuận được, anh L sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị H có lời khai phù hợp với lời khai của anh L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, theo chị H, ngoài nguyên nhân tính tình không hợp thì lý do chính dẫn đến việc vợ chồng đánh cãi chửi nhau là do anh L có nhiều biểu hiện không chung thủy. Mặc dù vẫn muốn giữ gia đình cho các con nhưng thời gian qua anh L luôn thể hiện thái độ quyết liệt đoạn tuyệt tình nghĩa vợ chồng với chị H. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Quang M, sinh ngày 07/12/2012 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16-01-2020 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H xin được tự thỏa thuận phân chia với anh L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 09-12-2011.

Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ lẫn nhau nên chị H và anh L thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh L, chị H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của anh **L** có xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn; căn cứ lời khai của anh **L** và chị **H** về nguyện vọng xin được ly hôn, Hội đồng xét xử xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **L** và chị **H** đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh **L** và chị **H**, cho anh **Trần Văn L** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị H** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh **L** và chị **H** có 02 hai con chung là cháu **Trần Quang M**, sinh ngày 07/12/2012 và cháu **Trần Ngọc D**, sinh ngày 16-01-2020 hiện đang do chị **H** nuôi dưỡng. Anh **L** đề nghị Tòa án giao con theo nguyện vọng của các con chung, nhất trí yêu cầu của chị **H** về con chung; chị **H** nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng. Tại biên bản ghi ý kiến con chung, cháu **Trần Quang M** thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ và em gái.

Xét yêu cầu của các đương sự trong việc nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi. Cháu **D** là con gái, chỉ mới 04 tuổi cũng cần sự chăm sóc tỉ mỉ từ người mẹ. Vì vậy, cần giao cả hai con chung cháu **D**, cháu **M** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị **H** không yêu cầu nên anh **L** không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị **H**.

[4] Về tài sản: Anh **L**, chị **H** đều đề nghị xin được tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Trần Văn L** phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Trần Văn L** và chị **Nguyễn Thị H**.
2. Về nuôi con chung: Giao các con chung cháu **Trần Quang M**, sinh ngày 07/12/2012 và cháu **Trần Ngọc D**, sinh ngày 16-01-2020 cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng. Anh **L** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị **H**. Anh **L**, chị **H** có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Do

cháu **M**, cháu **D** đều đang ở với chị **H** nên anh **L** không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho chị **H** nuôi dưỡng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh **Trần Văn L** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0003249 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh **Trần Văn L** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hòe

